AN LAC SEAFOOD CO., LTD. (HK216)

Lot A14, 4A Str., Hai Son Industrial Zone, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam.

Tel: 84-072-3850606 Fax: 84-072-3850608

SALES CONTRACT

No.: 02/AL-BIO/2015 Date: May 01, 2015

The Seller: AN LAC SEAFOOD CO., LTD.

Add.: Lot A14, 4A Str., HaiSon Industrial Zone, DucHoa District, Long An Province, Viet Nam.

Tel: 84-072-3850606 Fax: 84-072-3850608 Represented by: Mr. *NGUYEN THIEN DUY – Director*

The Buyer: BIOVITAL COMPANY

Address: UKRAINE, 49051 DNEPROPETROVSK, UL. B.KHMELNITSKOGO 4

Tel.: 0038 0577322007 Fax: 0038 0675706385 Represented by: NAYALYA V. KRYVENKO – Director

Follow confirmation Pro. No.: 01 both parties to sign for sale purchase contract with terms and conditions:

ARTICLE 1: Commodities:

No.	DESCRIPTION OF GOODS	QUANTITY		CIF ODESSA PORT UKRAINA	
140.	DESCRIPTION OF GOODS	CARTONS	KGS	UNIT PRICE (USD/KG)	AMOUNT (USD)
01.	DRIED SALTED ROUND SCAD	1,534	23,010.00	6.20	142,662.00
	TOTAL	1,534	23,010.00		142,662.00

ARTICLE 2: Packing: export standard. (15 kgs /carton)

ARTICLE 3: Shipment - delivery

Date of shipment : Before June 30, 2015.

Loading port : HOCHIMINH PORT, VIETNAM. Discharging port : ODESSA PORT, UKRAINE

Partial shipment : Allowed

Transshipment : Allowed

Article 4: Payment:

By TTR into account of The Seller's No: 1402 148 5100 9479 at Vietnam Eximbank District 04, Branch in Ho Chi Minh

Article 5: General Provision:

Both parties under take themselves to perform fully responsibilities and obligations of this contract any disputes will be setted by Vietnam International Arbitration Center in HoChiMinh City, under signing International Trade Law whose decision will be final and binding the both parties. The contract signing and the same legal value, 2 of which for each party and valid to December 31, 2015.

THE BUYER



Nayalya V. Kryvenko

THE SELLER

CONG

nguyễn thiện duy

BẢNG KÊ THU MUA HÀNG NÔNG SẨN, LÂM SẨN, THUÝ SẢN

22,500.0	0
6,940.0 22,50	6,940.0 22,500.0
6,830.0 22,50	6,830.0 22,500.0
6,790.0 22,50	6,790.0 22,500.0
6,980.0 22,50	6,980.0 22,500.0
6,873.0 22,50	
6,380.0 22,50	6,380.0 22,500.0
5,790.0 22,50	5,790.0 22,500.0
6,180.0 22,50	6,180.0 22,500.0
5,970.0 22,50	5,970.0 22,500.0
6,073.0 22,5	6,073.0 22,500.0
5,830.0 22,5	5,830.0 22,500.0
5,760.0 22,5	5,760.0 22,500.0
6,080.0 22,5	6,080.0 22,500.0
6,720.0 22,5	6,720.0 22,500.0
6,010.0 22,5	6,010.0 22,500.0
	kg) Đơn giá
Số lương	

		2,588,625,000		115,050.0		TÓNG CỘNG	TÓ	
	Sum Ciang							
	Kiến Giano	139,972,500 Kiện Giang	22,500.0	6,221.0	Cá nục NL	Kiên lương - Kiên Giang	10 1772013 vu Ini Lan	
	Cimila						1. IL -11 3100/3/L1	10
	Kiện Giano	152,842,500 Kiến Giano	22,500.0	6,793.0	Cá nục NL	Hôn Đất, Kiến Giang Cá nục NL	Land Lord Coan	
							7 17/5/2015 1 2 10/5/71	
Ghi chú	dánh bắt	Thành tiên	Đơn giá	(kg)	ren mar nang	Địa chỉ	năm Họ tên	
And the second s	No. Lto.			Số lương	3	Người bán	ST tháng N	TS

Người lập biểu

Võ Uyên Phương

Ngày 17 tháng 05 năm 2015 Giám đốc

